



RESULT BRACKETS

R. Round Rank/Score	NOC	Name	Semifinals	Finals
1/ 1186	TPC	臺北市 王心嵐 陳素蓮	臺北市	GOLD 桃園市
	-Bye-		83	
3/ 1122	TCC	臺中市 李昀嫻 賴麗如	111 桃園市	SILVER 臺北市
2/ 1163	TYC	桃園市 常溢芬 黃瑞滿	110 114	
			臺中市	BRONZE -

Final Rank
1 TYC 桃園市
2 TPC 臺北市



RESULTS SUMMARY

Rank	NOC		Name
	TCC	臺中市	李昀嫻 賴麗如
1	TYC	桃園市	常溢芬 黃瑞滿
2	TPC	臺北市	王心嵐 陳素蓮